

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON T
TỈNH KON T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST.

Ngày: 04/5/2022.

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hậu và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T, tỉnh Kon T tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon T, tỉnh Kon T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐST- DS ngày 15/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/3/2022 và ngày 08/4/2022 và , giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T ;

Địa chỉ: Số 266-269 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu T- Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - Chi nhánh Kon T (Quyết định ủy quyền số 18^c/2021/GUQ-CNKT ngày 04/01/2021).

Địa chỉ: Số 353 Trần P, phường Thắng L, thành phố Kon T. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đăk Cầm, thành phố KonTum, tỉnh Kon T. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021 và các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T trình bày:

Vào ngày 16/06/2018, anh Nguyễn Đình T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề nghị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T cấp thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng Ngân hàng Sài Gòn Thương T đã đồng ý cấp thẻ tín dụng nội địa Family cho anh T với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ: 03 năm kể từ ngày phát hành thẻ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,6%/tháng. Ngày kích hoạt sử dụng thẻ là ngày 19/6/2018.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 30.732.496 đồng. Từ ngày 23/04/2020, anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 23.088.397 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 04/05/2022, anh Nguyễn Đình T còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số tiền là 45.359.527 đồng. Trong đó: nợ gốc là 23.088.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.271.130 đồng. Do bị đơn đã trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ 45.359.527 đồng. Trong đó: nợ gốc là 23.088.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.271.130 đồng. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Đình T: Không.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Đình T nhưng anh T không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T cũng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn anh Nguyễn Đình T phải trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Đình T đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu anh Nguyễn Đình T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 45.359.527 đồng. Trong đó: nợ gốc là 23.088.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.271.130 đồng và anh T phải tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 05/05/2022 cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Kon T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn anh T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề nghị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T cấp thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng Ngân hàng Sài Gòn Thương T đã đồng ý cấp thẻ tín dụng nội địa Family cho anh T với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ: 03 năm kể từ ngày phát hành thẻ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,6%/tháng. Ngày kích hoạt sử dụng thẻ là ngày 19/6/2018. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 30.732.496 đồng. Từ ngày 23/04/2020, anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 23.088.397 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 04/05/2022, anh Nguyễn Đình T còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số tiền là 45.359.527 đồng. Trong đó: nợ gốc là 23.088.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.271.130 đồng. Do bị đơn đã trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ 45.359.527 đồng. Trong đó: nợ gốc là 23.088.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.271.130 đồng. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, như vậy việc ký hợp đồng của anh T với ngân hàng là hợp pháp. Việc ngân hàng khởi kiện anh T là có căn cứ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp

nhận toàn bộ yêu cầu nêu trên của ngân hàng là đúng quy định của pháp luật. Buộc anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền là: 45.359.527 đồng. Trong đó: nợ gốc là 23.088.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.271.130 đồng tính đến 04/5/2022, anh T tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kể từ ngày 05/5/2025 cho đến khi trả hết nợ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Yêu cầu đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T được chấp nhận nên bị đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: $45.359.527 \times 5\% = 2.267.976$ đồng; Hoàn trả lại tiền nộp tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đề ngày 05/10/2021.

Buộc anh Nguyễn Đình T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền là 45.359.527 đ (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm năm chín nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó: nợ gốc là 23.088.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.271.130 đồng tính đến 04/5/2022.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải trả thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chậm trả, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 05/5/2022 cho đến khi trả hết nợ.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Nguyễn Đình T phải chịu 2.267.976 đ (Hai triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm bảy sáu đồng); Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T 974.000 đ (Chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000363 ngày 12/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/5/2022) lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon T để xin xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon T;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Kon T;
- Chi cục THADS thành phố Kon T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Nghiên